

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: **13/2022/DS-ST**

Ngày: 22/7/2022

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Định**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Bình Minh.**

2. Bà **Cao Thị Hồng Minh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thào Thị Thu Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST- DS ngày 10/3/2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-DS ngày 07/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị X**; địa chỉ: Bản Noong B, phường Noong B, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Lò Thị Nh**; địa chỉ: Bản Nà L, xã Nà T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào ngày 15/01/2021, bà Lò Thị H là hàng xóm của bà Nguyễn Thị X có đưa bà Lò Thị Nh đến nhà bà X hỏi vay tiền. Do bà H giới thiệu bà Nh là cháu hiện đang cần vốn để làm ăn chăn nuôi, nên bà X cũng tin tưởng cho bà Nh vay số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng. Khi vay bà Nh và bà H cùng ký vay tiền trong quyển sổ của bà X, nhưng thực tế là chỉ có bà Nh vay, còn bà H là người làm chứng. Bà Nh đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng tại nhà bà X. Khi vay, hai bên có thỏa thuận bằng miệng với nhau về lãi suất và thỏa thuận thời hạn vay trong hai tháng,

hẹn đến ngày 16/3/2021, bà Nh có trách nhiệm trả cho bà X số tiền gốc đã vay. Sau đó, do bà Nh quá hẹn và khất hứa nhiều lần mà không trả cho bà X số tiền gốc đã vay, nên trước khi khởi kiện ra Tòa án bà X đã làm lại Giấy vay tiền đề ngày 15/01/2021, ghi số tiền vay là 60.000.000 đồng (Là số tiền bà X đã tự tính cả tiền lãi xuất của số tiền 50.000.000 đồng, từ khi bà Nh vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án). Trong quá trình vay nợ, bà Nh đã chuyển khoản trả cho bà X số tiền 10.000.000 đồng (theo bà X đây là tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng tính từ khi bà Nh vay cho đến khi bà Nh trả hết số tiền 50.000.000 đồng gốc đã vay cho bà X).

Quá trình giải quyết vụ án, bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu bà Nh trả số tiền gốc đã vay là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng; không yêu cầu bà Nh trả tiền lãi đối với số tiền gốc 50.000.00 đồng.

2. Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lò Thị Nh trình bày:

Do được nhiều người giới thiệu bà X có cho vay không cần tài sản thế chấp nên ngày 15/01/2021, bà Nh có vay của bà X số tiền 50.000.000 đồng để chăn nuôi lợn, làm ăn. Khi vay, hai bên có viết giấy vay tiền nhưng chỉ viết vào trong quyển sổ của bà X. Không phải Giấy vay tiền in bằng giấy A4 như bà X đã nộp cho Tòa án, có bà Lò Thị H là người làm chứng việc vay tiền này. Thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 15/01/2021. Quá trình vay nợ, bà Nh đã trả cho bà X số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Lê Xuân Tr (chồng bà X) tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam. Bà Nh chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng. Do tình hình dịch bệnh Covid và việc chăn nuôi của bà Nh bị dịch tả lợn nên hiện tại điều kiện kinh tế của bà gặp nhiều khó khăn, vì vậy bà Nh chưa thanh toán được cho bà X số tiền gốc đã vay, nay bà X khởi kiện yêu cầu bà phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc đã vay là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, bà Nh hoàn toàn nhất trí.

Ngày 25/4/2022 bà Nh có đơn không nhất trí với nội dung hiện bà còn nợ bà X 50.000.000 đồng tiền gốc tại biên bản hòa giải thành ngày 19/4/2022 của Tòa án. Bà Nh thay đổi lời khai cho rằng: số tiền 10.000.000 đồng bà đã trả cho bà X bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Lê Xuân Tr (chồng bà X) hai lần là số tiền bà Nh trả tiền gốc đã vay, như vậy, hiện bà chỉ còn nợ bà X 40.000.000 đồng tiền gốc.

Tại phiên tòa:

Bà X bổ sung yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất, cụ thể: Buộc bà Nh trả cho bà khoản tiền lãi phát sinh trong hạn và quá hạn do vi phạm nghĩa vụ trả nợ của số tiền gốc đã vay theo quy định của pháp luật, kể từ ngày vay là ngày 15/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/7/2022; yêu cầu bà Nh tiếp tục trả tiền lãi theo quy

định của pháp luật tính đến ngày trả hết nợ.

Bà Nh vắng mặt không có lý do, tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình tại phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- **Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:** Ngày 28/02/2022, bà Nguyễn Thị X nộp đơn khởi kiện vụ án "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên đối với bà Lò Thị Nh có địa chỉ tại xã Nà T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Sau khi bà X nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí ngày 10/3/2022, Tòa án đã thụ lý vụ án theo Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự (*Sau đây ghi tắt là BLTTDS năm 2015*).

- **Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật phải giải quyết, thời hiệu khởi kiện và các vấn đề khác:**

Quan hệ pháp luật giải quyết "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*", thụ lý giữa bà X và bà Nh; bà Nh có địa chỉ tại thành phố Điện Biên P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của nguyên đơn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 (*Sau đây ghi tắt là BLDS năm 2015*).

Bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà X thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu bà Nh trả cho bà số tiền gốc 50.000.000 đồng và khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ trả nợ của số tiền gốc đã vay theo quy định của pháp luật, kể từ ngày vay là ngày 15/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/7/2022 và yêu cầu bà Nh tiếp tục trả tiền lãi theo quy định của pháp luật tính đến ngày trả hết nợ. Việc bà X bổ sung yêu cầu về tiền lãi không vượt quá yêu cầu khởi kiện, căn cứ khoản 1 Điều 244 BLTTDS năm 2015, HĐXX chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của bà X.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trách nhiệm của các đương sự:

[2.1] *Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc:*

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được các bên thừa nhận thì: Ngày 15/01/2021, bà Lò Thị Nh và bà Lò Thị H có ký nhận vào giấy vay với nội dung: “*Em H + cháu Nh 15/1/2021 vay của chị X là 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng chẵn)*”. Bà Nh và bà X cùng thống nhất và xác nhận, thực tế là bà Nh vay tiền của bà X, còn bà H chỉ là người làm chứng. Các bên thống nhất về thời hạn vay và lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng nhưng không ghi vào giấy vay. Khi tham gia lập và ký kết giao dịch dân sự này, các bên đều có đủ năng lực pháp luật dân sự, nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; không vi phạm hình thức giao dịch theo quy định của pháp luật dân sự, vì vậy, giao dịch dân sự là hợp pháp.

Theo bà Nh thì bà có vay bà X số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 15/01/2021 và đã chuyển trả cho bà X 10.000.000 đồng tiền gốc bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Lê Xuân Tr (chồng bà X), do vậy, hiện bà chỉ còn nợ bà X số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Ngày 13/6/2022, bà Nh đã giao nộp cho Tòa án chứng từ giao dịch tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Điện Biên P - phòng giao dịch Nà T về việc chuyển khoản trả tiền cho bà X, cụ thể: Ngày 16/3/2021, chuyển khoản vào số tài khoản 8912205071304 số tiền 5.000.000 đồng; ngày 25/5/2021, chuyển vào số tài khoản 8912205071304 số tiền 5.000.000 đồng.

Về số tiền nợ gốc, bà X cho rằng bà Nh vẫn đang nợ bà 50.000.000 đồng, còn số tiền 10.000.000 đồng bà Nh đã chuyển khoản trả là trả tiền lãi; tuy nhiên, bà X không có chứng cứ chứng minh khoản tiền này là tiền lãi phát sinh từ số tiền 50.000.000 đồng bà Nh vay của bà, vì vậy không có cơ sở chấp nhận.

HĐXX xét thấy cần chấp nhận ý kiến của bà Nh, cụ thể: Đối trừ khoản tiền 10.000.000 đồng, bà Nh đã trả bà X vào khoản tiền gốc 50.000.000 đồng, bà Nh đã vay của bà X là phù hợp.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Ngày 15/01/2021, bà Nh có vay của bà X số tiền 50.000.000 đồng; bà Nh đã trả bà X tổng số tiền 10.000.000 đồng vào các ngày 16/3/2021 và ngày 25/5/2021, hiện còn lại 40.000.000 đồng tiền gốc chưa trả. Trong vụ án này, mặc dù bà X đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Nh không thanh toán số tiền còn nợ cho bà X là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của bên vay, do đó yêu cầu khởi kiện của bà X đối với bà Nh về việc thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ lại là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 (*Sau đây ghi tắt là BLDS năm 2015*).

[2.2] *Đối với yêu cầu khởi kiện về tiền lãi:*

Do bà X và bà Nh có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tại thời điểm trả nợ.

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Lãi trong hạn:

- Theo giấy vay tiền ngày 15/01/2021 và các bên thống nhất thì thời hạn vay hai tháng (Từ ngày 15/01/2021 đến ngày 16/3/2021). Ngày 16/3/2021, bà Nh đã trả bà X 5.000.000 đồng, vì vậy, bà Nh còn phải trả cho bà X tiền lãi tính trên số tiền gốc đã vay 50.000.000 đồng trong 60 ngày (Từ ngày 15/01/2021 đến ngày 16/3/2021) là $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,027 \text{ \%/ngày} \times 60 \text{ ngày} = 810.000 \text{ đồng}$.

- **Lãi quá hạn:** Quá hạn trả nợ, tính đến ngày 16/3/2021, bà Nh mới trả cho bà X 5.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 45.000.000 đồng tiền gốc quá hạn chưa trả, nên bà Nh phải trả cho bà X tiền lãi chậm trả của số tiền này theo khoản 2 Điều 468 BLDS với mức 10% một năm tính từ ngày 17/3/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/7/2022, cụ thể:

- Từ ngày 17/3/2021 đến ngày 25/5/2021, tiền lãi tính trên số tiền gốc 45.000.000 đồng trong 70 ngày là $45.000.000 \text{ đồng} \times 0,027 \text{ \%/ngày} \times 70 \text{ ngày} = 850.500 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 26/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/7/2022, tiền lãi tính trên số tiền gốc 40.000.000 đồng trong 423 ngày là $40.000.000 \text{ đồng} \times 0,027 \text{ \%/ngày} \times 423 \text{ ngày} = 4.568.400 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bà Nh phải trả cho bà X tính đến ngày 22/7/2022 là 46.228.900 đồng. Trong đó: tiền gốc là 40.000.000 đồng; tiền lãi là 6.228.900 đồng.

Ngoài ra, bà Nh phải trả cho bà X khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi trả hết nợ.

[3]. Về án phí:

- Bà Lò Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả là 46.228.900 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể là: $46.228.900 \text{ đồng} \times 5\% = 2.311.445 \text{ đồng}$.

- Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244; 271, 273 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 116, 117, 118, 119; Điều 280, 385, 401, 429 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với bà Lò Thị Nh, cụ thể: Buộc bà Lò Thị Nh trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 46.228.900 (*Bốn mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm*) đồng; Trong đó: Tiền gốc là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng, tiền lãi là 6.228.900 (*Sáu triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm*) đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà X cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bà Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Bà Nh phải chịu 2.311.445 (*Hai triệu ba trăm mười một nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Tạm ứng án phí: Trả lại cho bà X số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí giá ngạch đã nộp theo biên lai số 0001846 ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*ngày 22/7/2022*); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đ